

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

DỰ THẢO
Ngày 6/11/2025

THÔNG TƯ
quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về trạng thái vàng của các tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng; kinh doanh mua, bán vàng miếng; xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu.

2. Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng, mua, bán vàng nguyên liệu quy định tại Thông tư này chỉ bao gồm giao dịch mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Tại Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng, kinh doanh mua, bán vàng miếng, xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng

nguyên liệu là tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.

2. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng bao gồm:

a) Số dư vàng miếng, vàng nguyên liệu phát sinh từ các hoạt động: sản xuất vàng miếng; kinh doanh mua, bán vàng miếng; mua, bán vàng nguyên liệu của tổ chức tín dụng được quy đổi sang đồng Việt Nam theo giá vàng quy đổi trạng thái;

b) Số dư vàng miếng, vàng nguyên liệu phát sinh từ các hoạt động: xuất khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu của tổ chức tín dụng được quy đổi sang đồng Việt Nam theo giá vàng giao dịch thực tế trong hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản do tổ chức tín dụng công bố vào cuối ngày báo cáo.

3. Giao dịch mua, bán vàng miếng; mua, bán vàng nguyên liệu giao ngay là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau số lượng vàng miếng, vàng nguyên liệu theo giá vàng được thỏa thuận tại thời điểm giao dịch và kết thúc thanh toán, giao, nhận vàng miếng, vàng nguyên liệu trong vòng 2 (hai) ngày làm việc tiếp theo.

4. Giá vàng quy đổi trạng thái là giá mua vàng miếng, vàng nguyên liệu tương ứng với từng loại vàng miếng, vàng nguyên liệu do tổ chức tín dụng công bố vào cuối ngày báo cáo.

Điều 3. Nguyên tắc tính trạng thái vàng

1. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng được xác định vào thời điểm cuối ngày làm việc.

2. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng được tính trên cơ sở:

a) Khối lượng vàng miếng sản xuất;

b) Doanh số mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay, bao gồm cả các cam kết mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay ngoại bảng;

c) Doanh số xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu, bao gồm cả các cam kết xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu ngoại bảng.

3. Trạng thái vàng của tổ chức tín dụng không bao gồm số dư vàng miếng phát sinh từ hoạt động mua, bán vàng để thực hiện tất toán số dư của các hoạt động đã phát sinh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bao gồm:

a) Huy động, cho vay theo quy định tại Thông tư số 11/2011/TT-NHNN ngày 29/4/2011 của Ngân hàng Nhà nước về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng và Thông tư số 12/2012/TT-NHNN ngày 27/4/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2011/TT-NHNN;

b) Chuyển đổi vàng thành đồng Việt Nam theo Thông tư số 32/2011/TT-NHNN ngày 06/10/2011 của Ngân hàng Nhà nước về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2011/TT-NHNN;

c) Nhận cầm cố bằng vàng, giữ hộ vàng và sử dụng vàng vào mục đích khác.

Điều 4. Giới hạn trạng thái vàng

1. Trạng thái vàng cuối ngày của tổ chức tín dụng:

a) Không được vượt quá 5% so với vốn tự có của tổ chức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng được phép sản xuất vàng miếng; xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu.

b) Không được vượt quá 2% so với vốn tự có của tổ chức tín dụng đối với các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, trừ các tổ chức tín dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Vốn tự có để tính giới hạn trạng thái vàng của tổ chức tín dụng là vốn tự có của tháng liền kề trước kỳ báo cáo của tổ chức tín dụng, được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng không được duy trì trạng thái vàng âm.

3. Trường hợp cần thiết, tổ chức tín dụng được duy trì trạng thái vàng khác giới hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận.

Điều 5. Chế độ báo cáo

Chậm nhất đến 14 giờ của ngày làm việc, tổ chức tín dụng gửi báo cáo trạng thái vàng của ngày làm việc liền kề trước đó về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối và Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính) theo Phụ lục đính kèm Thông tư này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2025.
2. Vụ Tài chính - Kế toán có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức tín dụng kinh doanh mua, bán vàng miếng; ngân hàng thương mại được phép sản xuất vàng miếng; xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng; nhập khẩu vàng nguyên liệu tính trạng thái vàng trên cơ sở quy định về hạch toán kế toán.
3. Cục Công nghệ thông tin trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức tín dụng thực hiện báo cáo trạng thái vàng trong trường hợp báo cáo bằng phương thức điện tử.
4. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Thông tư này và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.
5. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc NHNN;
- Tổ chức tín dụng;
- Công báo;
- Lưu: VP, QLNH, PC (05 bản).

THỐNG ĐỐC

PHỤ LỤC

Tên TCTD
Điện thoại: ...

BÁO CÁO TRẠNG THÁI VÀNG HÀNG NGÀY

(Áp dụng đối với TCTD được NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu)

(Kèm theo Thông tư số /2025/TT-NHNN ngày tháng 11 năm 2025)

Ngày ... tháng ... năm ...

	Chỉ tiêu	Khối lượng (lượng vàng)	Giá trị (triệu VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số dư vàng đầu ngày		
I.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	
I.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	
II	Doanh số mua trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu)/nhập khẩu trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu)		
II.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
II.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
III	Doanh số bán trong ngày (vàng miếng/vàng nguyên liệu)/xuất khẩu trong ngày (vàng miếng)		
III.1	Vàng miếng (vàng miếng chi tiết theo từng thương hiệu)	...	...
III.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	...
IV	Sản xuất vàng miếng trong ngày		
IV.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu) (số vàng miếng được sản xuất từ nguồn vàng nguyên liệu của TCTD)	...	
IV.2	Vàng nguyên liệu (số vàng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất, từ hàm lượng 99,5% trở lên)	...	
V	Số dư vàng cuối ngày		
V.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu) (V.1 = I.1 + II.1 - III.1 + IV.1)		
V.2	Vàng nguyên liệu (V.2 = I.2 + II.2 - III.2 - IV.2)		
VI	Giá vàng quy đổi trạng thái (VNĐ/ lượng)		
VI.1	Vàng miếng (chi tiết theo từng thương hiệu)		...
VI.2	Vàng nguyên liệu (từ hàm lượng 99,5% trở lên)		...

VII	Vốn tự có		...
VIII	Trạng thái vàng cuối ngày so với vốn tự có (%)	...	...
VIII.1	Vàng miếng (<i>chi tiết theo từng thương hiệu</i>) [VIII.1 = (V.1 * VI.1) / VII]	...	...
VIII.2	Vàng nguyên liệu [VIII.2 = (V.1 * VI.2) / VII]	...	...

1. Đối tượng áp dụng: TCTD được NHNN cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng, Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, Giấy phép xuất khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng miếng, Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính của TCTD tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Thời hạn gửi báo cáo: TCTD gửi báo cáo chậm nhất 14 giờ ngày làm việc tiếp theo ngày sau ngày báo cáo.

4. Hướng dẫn lập báo cáo:

- *Trạng thái vàng của TCTD:* được xác định vào thời điểm cuối ngày làm việc, tính trên cơ sở khối lượng vàng miếng sản xuất; doanh số mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay, bao gồm cả các cam kết mua, bán vàng miếng, vàng nguyên liệu giao ngay ngoại bảng; doanh số xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu, bao gồm cả các cam kết xuất khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu ngoại bảng.

- *Doanh số mua/ bán vàng miếng, vàng nguyên liệu trong ngày:* có bao gồm cả doanh số nhập khẩu/ xuất khẩu vàng miếng, doanh số nhập khẩu vàng nguyên liệu trong ngày được quy đổi sang đồng Việt Nam theo giá vàng giao dịch thực tế trong hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu và tỷ giá mua ngoại tệ chuyển khoản do TCTD công bố vào cuối ngày báo cáo.

- *Giá vàng quy đổi trạng thái:* là giá mua vàng miếng, vàng nguyên liệu tương ứng với từng loại vàng miếng, vàng nguyên liệu do TCTD công bố vào cuối ngày báo cáo;

- *Vốn tự có để tính giới hạn trạng thái vàng của TCTD:* là vốn tự có của **tháng liền kề trước** kỳ báo cáo của TCTD, được xác định theo quy định của NHNN về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD.

- *Số liệu vàng nguyên liệu (các dòng I.2, II.2, III.2 và IV.2):* được tính từ số liệu các loại vàng nguyên liệu có hàm lượng **từ 99,5%** trở lên.

- *Số liệu số dư vàng đầu ngày của ngày dữ liệu báo cáo (dòng I.1 và I.2):* cần thống nhất với số liệu số dư vàng cuối ngày (dòng V.1 và V.2) của ngày **liền kề trước** của ngày dữ liệu báo cáo.

- Số liệu của các chỉ tiêu VI.1, VI.2 và VII được điền vào cột (4), đơn vị tính là triệu đồng. Các chỉ tiêu này không có số liệu tại cột (3).

- Các ô xám trong bảng là các ô không nhập số liệu.